TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2023
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoài; ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2023/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Trần Khánh T, sinh năm 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn chị Trần Thị M và bị đơn anh Trần Khánh T trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Trần Khánh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 03/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với với nhau tại nhà nội được gần bốn tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 9/2019, anh T đi lao động tại Philippin cũng từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, cuộc sống không có tiếng nói chung dẫn đến không còn quan tâm

đến nhau cũng như không còn tình cảm với nhau. Tháng 01 năm 2023 anh T có về Việt Nam thăm gia đình sau đó quay trở lại Đài Loan lao động cho đến nay chưa về Việt Nam. Nay, chị M và anh T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn anh T và anh T cũng đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị M.

Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị M và anh Trần Khánh T trình bày trong thời kỳ hôn nhân, chị M và anh T không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra, anh Trần Khánh T trình bày hiện nay anh đang lao động tự do tại Đài Loan nên không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể của mình cũng như do công việc không thể trực tiếp về Việt Nam để giải quyết vụ án nên đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho chị Trần Thị Tuyết (chị gái anh T); địa chỉ: Thôn Trung Hải, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

- Chị Trần Thị Tuyết (chị gái anh T) tự nguyện đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của anh T, chị cam đoan sẽ thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trần Khánh T; Về con chung: Không có; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét và buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Khánh T hiện đang sinh sống, lao động tại Đài Loan không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 6851/QLXNC-P5, ngày 30/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Trần Khánh T, sinh ngày 06/8/1994 đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày vì điều kiện công việc, không thể có mặt trực tiếp để giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Anh T ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho Trần Thị Tuyết (chị gái anh T); địa chỉ: Thôn Trung Hải, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ

vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Khánh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Trần Khánh T tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 03/8/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người một nơi, thiếu sự chia sẻ cùng nhau và do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến không còn tình cảm với nhau.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của chị M và anh T không đạt được. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Trần Khánh T.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Thị M và anh Trần Khánh T không có con chung

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Trần Khánh T

2. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000469 ngày 09/02/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Hiền